VIỆC BIÊN SOẠN ĐỊA DANH Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thạnh Lợi[1]

Địa danh học là một ngành của Ngôn ngữ học, chuyên nghiên cứu ý nghĩa, nguồn gốc, cấu tạo, phương thức đặt tên và những biến đổi của địa danh. Nó liên quan đến nhiều ngành khoa học khác như Địa lý học, Sử học, Dân tộc học, Khảo cổ học, Văn hóa học...Ở nước ta, Địa danh học là ngành nghiên cứu còn non trẻ nhưng ngày càng được sự quan tâm của xã hội, nhu cầu tìm hiểu về địa danh ngày càng nhiều, và ngày càng có ý nghĩa trong việc phục vụ phát triển kinh tế-xã hội như đặt tên các đơn vị hành chính, đặt tên đường, tên cầu, làm bản đồ, giáo dục truyền thống, du lịch...

Lược sử xuất bản

Bắt đầu từ thập niên 1940 đã có những cuốn sách đầu tiên về địa danh được xuất bản ở nước ta, mở đầu là ở Sài Gòn, như *Guide historique des rues de Saigon* (André Baudrit, 1943), *Giude de Saigon* (Agence Harvar, 1955), *Sài Gòn - Chợ Lớn chỉ nam* (Thuần Phong, 1956), *Phố phường Hà Nội xưa* (Hoàng Đạo Thúy, 1974), *Đường phố Hà Nội* (Nguyễn Vinh Phúc, Trần Huy Bá, Nxb Hà Nội, 1979).

Sang thập niên 1990, các sách giới thiệu về địa danh trong nước bắt đầu được xuất bản. Có thể điểm qua một số cuốn sách như: *Từ điển Hà Nội: Địa danh* (Bùi Thiết, Nxb Văn hóa - Thông tin, 1993), *Lược khảo đường phố Hải Phòng* (Ngô Đăng Lợi chủ biên, Nxb Hải Phòng, 1993), *Địa danh ở quận 8 – thành phố Hồ Chí Minh* (Nguyễn Thanh Lợi, Huỳnh Văn Phùng, Nxb Trẻ, 1993), *Đường phố nội thành thành phố Hồ Chí Minh* (Nguyễn Đình Tư, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1994), *Từ điển đường phố Hà Nội* (Nguyễn Loan, Nguyễn Hoài, Nxb Thế giới, 1994), *Đường phố thị xã Lạng Sơn* (Hoàng Trường, Sầm Cảnh Dũng, Hoàng Tuyết, Nguyễn Quốc Khánh, Nxb Công an nhân dân, 1996), *Địa danh văn hóa Việt Nam* (Bùi Thiết, Nxb Thanh niên, 1996, 1999), *Sổ tay địa danh du lịch các tỉnh Trung Trung Bộ* (Nguyễn Quang Hà, Trần Hoàng, Mai Khắc Ứng, Phạm Hồng Việt, Nguyễn Đức Vũ, Nxb Giáo dục, 1997), *Sổ tay địa danh Việt Nam* (Nguyễn Dược, Trung Hải, Nxb Giáo dục, 1997, 1998, 1999, 2000, 2002, 2003, 2004, 2005, 2008), *Từ điển bách khoa địa danh Hải Phòng* (Ngô Đăng Lợi chủ biên, Nxb

[1] Thạc sĩ, Giảng viên Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương 3. Email: ntloitw3@gmail.com

Hải Phòng, 1998), *Từ điển địa danh lịch sử văn hóa Việt Nam* (Nguyễn Văn Tân, Nxb Văn hóa Thông tin, 1998), *Địa danh về Hồ Chí Minh* (Bùi Thiết, Lê Kim Dung, Nguyễn Chí Thắng, Nxb Thanh niên, 1999)...

Đặc biệt từ năm 2000, nhiều đầu sách về địa danh các tỉnh thành đã ra đời, phản ảnh kết quả nghiên cứu về địa danh, cũng như nhu cầu của xã đang gia tăng, như các cuốn: *Địa danh thành phố Huế* (Trần Thanh Tâm, Huỳnh Đình Kết, Nxb Văn hóa dân tộc, 2001), *Đường phố thành phố Hồ Chí Minh* (Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Đình Tư, Nxb Văn hóa Thông tin, 2001), *Tìm hiểu địa danh qua tục ngữ ca dao Phú Yên* (Nguyễn Đình Chúc, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, 2001; Nxb Thanh niên, 2011), *Sổ tay địa danh Việt Nam* (Đinh Xuân Vịnh, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002), *Đường phố Đà Nẵng* (Thạch Phương, Phạm Ngô Minh, Nxb Đà Nẵng, 2002), *Từ điển địa danh lịch sử văn hóa du lịch Việt Nam* (Nguyễn Văn Tân, Nxb Văn hóa-Thông tin, 2002), *Từ điển địa danh thành phố Sài Gòn-Hồ Chí Minh* (Lê Trung Hoa chủ biên, Nguyễn Đình Tư, Nxb Trẻ, 2003; Nxb Thời đại, 2011), *Tìm hiểu nguồn gốc địa danh Nam Bộ qua chuyện tích và giả thuyết* (Nguyễn Hữu Hiếu, Nxb Khoa học xã hội, 2004), *Từ điển địa danh văn hóa và thắng cảnh Việt Nam* (Nguyễn Như Ý chủ biên, Nguyễn Thanh Chương, Bùi Thiết, Nxb Khoa học xã hội, 2004), *Địa danh Việt Nam trong tục ngữ, ca dao* (Vũ Quang Dũng, Nxb Từ điển bách khoa, 2006), *Địa danh lịch sử-văn hóa Nghệ An* (Trần Viết Thụ chủ biên, Nxb Nghệ An, 2006), *Từ điển địa danh lịch sử Việt Nam* (Đinh Xuân Lâm chủ biên, Nxb Giáo dục, 2007), *Từ điển đơn vị hành chính Việt Nam* (Lê Hồng Chương, Nxb Từ điển bách khoa, 2007), *Từ điển địa danh hành chính Nam Bộ* (Nguyễn Đình Tư, Nxb Chính trị Quốc gia, 2008), *Sổ tay địa danh du lịch các tỉnh Tây Nguyên* (Nguyễn Đức Vũ chủ biên, Nxb Giáo dục, 2008), *Tìm hiểu địa danh di tích lịch sử văn hóa Việt cổ Kiên Giang (tập 1)* (Vĩnh Xuyên, Nxb Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2009)...

Giai đoạn từ từ năm 2010, có thể nói đó là sự nở rộ của việc xuất bản các sách địa danh ở Trung Bộ và nhất là Nam Bộ, có huyện miền núi cũng biên soạn được địa danh (huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế) như: *Địa danh Khánh Hòa xưa và nay-lược khảo tra cứu một số địa danh* (Ngô Văn Ban, Nxb Văn hóa Thông tin, 2010), *Địa danh Cà Mau* (Anh Động, Nxb Phương Đông, 2010), *Địa danh Kiên Giang* (Anh Động, Nxb

Phương Đông, 2010), *Sổ tay địa danh Kiên Giang* (Anh Động, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010), *Địa danh và di tích Gia Lai từ góc nhìn lịch sử-văn hóa* (Nguyễn Thị Kim Vân, Nxb Khoa học xã hội, 2010), *Di sản tên Nôm các làng văn hóa dân gian Việt Nam* (Trần Gia Linh, Nxb Dân trí, 2010), *Địa danh tỉnh Ninh Bình* (Đỗ Danh Gia, Hoàng Linh, Nxb Thanh niên, 2011), *Địa danh Bạc Liêu* (Hồ Xuân Tuyên, Nxb Dân trí, 2011), *Di tích-danh thắng và địa danh Kiên Giang* (Nguyễn Anh Động, Nxb Thanh Niên, 2011), *Tìm hiểu một số địa danh cổ ở An Giang qua truyền thuyết (dấu ấn văn hóa – lịch sử địa phương)* (Nguyễn Hữu Hiệp, Nxb Lao động, 2011), *Địa danh Thái Nghệ An* (Quán Vi Miên, Nxb Lao động, 2011), *Kể chuyện tên làng Việt* (Nguyễn Tọa, Nxb Văn hóa dân tộc, 2011), *Địa danh thành phố Đà Nẵng* (Võ Văn Hòe, Nxb Đà Nẵng, 2011; Nxb Văn hóa Thông tin, 2013), *Địa danh Yên Bái sơ khảo* (Hoàng Việt Quân, Nxb Lao động, 2012), *Địa danh chí An Giang xưa và nay* (Nguyễn Hữu Hiệp, Nxb Thời đại, 2012), *Sổ tay địa danh thành phố Hồ Chí Minh* (Lê Trung Hoa chủ biên, Nguyễn Đình Tư, Nxb Văn hóa-Văn nghệ, 2012), *Sổ tay đường phố ở thành phố Hồ Chí Minh* (Lê Trung Hoa, Nguyễn Đình Tư, Nxb Trẻ, 2013), *Từ điển từ nguyên địa danh Việt Nam (2 tập)* (Lê Trung Hoa, Nxb Văn hóa Thông tin, 2013), *Bước đầu tìm hiểu địa danh thành phố Cần Thơ* (Nhâm Hùng, Nxb Trẻ, 2013), *Địa danh hành chính-văn hóa-lịch sử Đồng Nai* (Trần Quang Toại chủ biên, Nxb Đồng Nai, 2013), *Từ điển địa danh Quảng Ngãi* (Cao Chư chủ biên, Nxb Từ điển bách khoa, 2013), *Kiên Giang địa danh dẫn giải* (Phan Thanh Nhàn, Nxb Thời đại, 2014), *Những trầm tích văn hóa (Qua nghiên cứu địa danh)* (Nguyễn Thanh Lợi, Nxb Thời đại, 2014), *Địa danh Hậu Giang* (Nguyễn Anh Động, Nxb Văn hóa Thông tin, 2014), *Địa danh Phú Yên* (Nguyễn Đình Chúc, Nxb Văn hóa Thông tin, 2014), *Từ điển địa danh Trung Bộ (2 tập)* (Lê Trung Hoa, Nxb Khoa học xã hội, 2015), *Địa danh thành phố Đà Nẵng (tập 2)* (Võ Văn Hòe, Nxb Thông tin và Truyền thông, 2015), *Địa danh huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế* (Trần Nguyễn Khánh Phong, Nxb Thuận Hóa, 2015)...

Bên cạnh đó, mảng sách mang tính chất lý luận về địa danh được xuất bản không nhiều, giá trị học thuật chưa cao, chẳng hạn như: *Địa danh ở thành phố Hồ Chí Minh* (Lê Trung Hoa, Nxb Khoa học xã hội, 1991), *Địa danh Việt Nam* (Nguyễn Văn Âu, Nxb

Giáo dục, 1993), *Lược khảo nguồn gốc địa danh Nam Bộ* (Bùi Đức Tịnh, Nxb Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 1999), *Một số vấn đề về địa danh học Việt Nam* (Nguyễn Văn Âu, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2000), *Tìm hiểu nguồn gốc địa danh Nam Bộ và tiếng Việt văn học* (Lê Trung Hoa, Nxb Khoa học xã hội, 2002, 2005; Nxb Thanh niên, 2011), *Nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu địa danh (Địa danh thành phố Hồ Chí Minh)* (Lê Trung Hoa, Nxb Khoa học xã hội, 2003), *Địa danh học Việt Nam* (Lê Trung Hoa, Nxb Khoa học xã hội, 2006, 2011; Nxb Văn hóa Thông tin, 2013), *Địa danh Việt Nam* (Lê Trung Hoa, Nxb Dân trí, 2010)...

Những công trình mang tính lý luận này bước đầu đặt nền móng cho việc nghiên cứu địa danh ở Việt Nam và chúng cũng không phải đã có chung "tiếng nói" với nhau, tùy theo góc độ tiếp cận cũng như quan niệm về địa danh. Và điều này cũng phản ánh các nghiên cứu lý thuyết ở ta chưa thực sự là "người dẫn đường" trong việc biên soạn địa danh, nhất là trong việc tiếp thu các nghiên cứu trên thế giới. Đến nay (2015), kể từ khi những cuốn sách lý luận về địa danh và biên soạn về địa danh ở trong nước được xuất bản (1991), thì vẫn chưa có một công trình nào mang tính học thuật về địa danh ở nước ngoài được dịch ra ở Việt Nam. Các sách biên soạn về địa danh chỉ gia tăng về số lượng, mà thiếu đi phương pháp luận, nên dễ dẫn đến những bất cập. Các địa phương thực sự lúng túng trong việc biên soạn địa danh cho địa phương mình, để lại không ít những hạn chế.

Sách biên soạn về địa danh nước ngoài mới chỉ có vài cuốn được biên soạn/dịch ở Việt Nam như: *Địa danh nước ngoài* (Nguyễn Văn Khang, Nguyễn Trung Thuần, Nxb Văn hóa-Thông tin, 1995), *Từ điển bách khoa nhân danh địa danh Anh-Việt* (Bùi Phụng dịch, Nxb Văn hóa-Thông tin, 2000), *Từ điển tên riêng thế giới* (Paul Robert, Nguyễn Trọng Định chủ biên, Nxb Văn hóa-Thông tin, 2000, 1.734 trang), *Sổ tay tra cứu địa danh nước ngoài* (Trần Nam Tiến chủ biên, Nxb Giáo dục, 2007).

Qua một số công trình cụ thể

Chúng tôi xin đưa ra một số nhận xét về các cuốn sách biên soạn về địa danh được xuất bản trong khoảng thời gian 2008-2015 trên các mặt: xác định địa danh, phân loại địa danh, thể hiện nội dung của địa danh, sắp xếp mục từ.

Từ điển địa danh hành chính Nam Bộ (Nguyễn Đình Tư, Nxb Chính trị Quốc gia, 2008). Với 1.349 trang, cuốn từ điển chứa đựng một lượng thông tin rất lớn về các địa danh hành chính ở một khu vực có nhiều sự thay đổi trong cách đặt tên địa danh nói chung. Các địa danh hành chính trong từ điển thật đa dạng, trải qua các thời kỳ lịch sử, từ thời các chúa Nguyễn cho đến mốc thời gian là cuối năm 2004, với các đơn vị như: làng, thôn, xã, phường, thị trấn, tổng, huyện, quận, thị xã, thành phố, phủ, trấn, tỉnh, dinh, hạt thanh tra, cơ sở hành chính…

Mỗi mục từ được giới thiệu các yếu tố: tên gọi, địa bàn trực thuộc, sự thay đổi qua các thời kỳ, việc giải thể, các đơn vị hành chính trực thuộc. Ví dụ, đơn vị hành chính của Sài Gòn ban đầu lại là thành phố (municipalité) từ 1861, rồi hạt thanh tra từ ngày 3/8/1866, khu hành chính (circonscription administrative) do Thống đốc Nam Kỳ lập ngày 9/10/1875, tiếp đến là khu hành chính Sài Gòn-Chợ Lớn từ ngày 27/4/1931. Hay Bạc Liêu với các đơn vị hành chính, lúc là hạt tham biện, lúc là thị xã hỗn hợp, sau mới là tỉnh…

Cuốn từ điển là kết tinh sự lao động cần mẫn, nghiêm túc của tác giả trong nhiều năm. Đây thực sự là một cuốn sách công cụ hữu hiệu cho rộng rãi bạn đọc và nhất là các nhà nghiên cứu địa lý, lịch sử, văn hóa về vùng đất Nam Bộ, dẫu còn một số khiếm khuyết nhỏ trong việc biên soạn như việc kiểm soát giữa các mục từ, thiếu một số mục từ quan trọng, tính chính xác trong một vài tài liệu.

Địa danh và di tích Gia Lai từ góc nhìn lịch sử-văn hóa (Nguyễn Thị Kim Vân, Nxb Khoa học xã hội, 2010). Do có lợi thế về địa phương, nên tác giả biên soạn các mục từ khá chi tiết, phong phú, độ tin cậy cao, về cơ bản là xác định đúng tiêu chí địa danh. Một điểm mới là đối với các địa danh ở vùng đồng bào dân tộc, sau khi đưa ra các tên gọi khác nhau, thì đề xuất địa danh lựa chọn. Tác giả muốn tạo sự "dung hòa" giữa 2 mảng địa danh và di tích nên biên soạn cả 2 đối tượng này trong một cuốn sách. Tuy nhiên, việc chọn lựa cả hiệu danh để đưa vào cuốn sách chỉ nói về địa danh, di tích là không phù hợp.

Địa danh thành phố Đà Nẵng (2 tập) (Võ Văn Hòe, Nxb Đà Nẵng, 2011; Nxb Văn hóa Thông tin, 2013; Nxb Thông tin và Truyền thông, 2015). 2 tập sách đã cung cấp

một lượng thông tin rất lớn về lịch sử, văn hóa của thành phố biển miền Trung này. Các địa danh hành chính được biên soạn tới địa danh cấp ấp/khu phố.

Nhưng hạn chế dễ thấy nhất là tác giả chưa xác định được thế nào là địa danh, nên đưa vào sách rất nhiều hiệu danh như: nhà, bia di tích, bia chứng tích, đình, chùa, miễu, văn chỉ, bờ đá, trường học, lô cốt, đồn, trung tâm xã hội, trung tâm, sân bóng, sân vận động, quán, kho, bến xe, trung tâm thương mại, kho bom, trại, bệnh viện, mỏ đá, giếng, hầm ngầm, kho xăng, nhà máy nước...

Tình hình này còn có thể thấy trong nhiều cuốn sách biên soạn về địa danh như: *Từ điển Hà Nội: Địa danh* (Bùi Thiết, Nxb Văn hóa - Thông tin, 1993), *Địa danh văn hóa Việt Nam* (Bùi Thiết, Nxb Thanh niên, 1996, 1999), *Từ điển địa danh lịch sử văn hóa Việt Nam* (Nguyễn Văn Tân, Nxb Văn hóa Thông tin, 1998), *Sổ tay địa danh Việt Nam* (Đinh Xuân Vịnh, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002), *Từ điển địa danh lịch sử văn hóa du lịch Việt Nam* (Nguyễn Văn Tân, Nxb Văn hóa-Thông tin, 2002), *Từ điển địa danh văn hóa và thắng cảnh Việt Nam* (Nguyễn Như Ý chủ biên, Nguyễn Thanh Chương, Bùi Thiết, Nxb Khoa học xã hội, 2004), *Địa danh Khánh Hòa xưa và nay-lược khảo tra cứu một số địa danh* (Ngô Văn Ban, Nxb Văn hóa Thông tin, 2010), *Sổ tay địa danh Kiên Giang* (Anh Động, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010)...

Địa danh hành chính-văn hóa-lịch sử Đồng Nai (Trần Quang Toại chủ biên, Nxb Đồng Nai, 2013). Cuốn sách trình bày lại diện mạo của Đồng Nai lịch sử trên 310 năm thông qua địa danh, được biên soạn công phu bởi một tập thể có nhiều năm gắn bó với vùng đất này, một tài liệu tốt để tham khảo về lịch sử, văn hóa địa phương về mặt tư liệu. Sách chia làm 3 mảng địa danh: hành chính, văn hóa, lịch sử và các mục từ được sắp xếp theo trật tự tương ứng.

Do không phân biệt được hiệu danh và địa danh, nên sách thu thập tất cả các hiệu danh ở mảng địa danh văn hóa, địa danh lịch sử vào trong đây. Ở mảng địa danh văn hóa có các "địa danh" liên quan đến: đình, miếu, đền, chùa, tịnh thất, tịnh xá, niệm phật đường, ni viện, thiền viện, nhà dỏ, di tích lịch sử, chợ, ga, sân bay, thánh thất, hội thánh Tin Lành, cộng đoàn, dòng tu, nhà dòng, tu viện, giáo xứ, giáo điểm, giáo họ, nhà

nguyện, đền thánh, đài thánh, tượng đài, bia, nhà bia, mộ, nhà truyền thống, bảo tàng, cầu, kênh, sân golf, danh thắng, hoa viên, công viên...

Ở mảng địa danh lịch sử, sách tập hợp lẫn lộn giữa các địa danh hành chính và hiệu danh như: chùa, đình, miễu, nhà thờ, đồn, bót, căn cứ, địa bàn, sở cao su, cửa khẩu, binh công xưởng, bệnh viện đa khoa, dinh tham biện, quận, đài kỷ niệm, khám đường, kho xăng, khu kỹ nghệ, nhà thương điên, sân bóng đá, sở Trường tiền, thị xã, trạm cứu hỏa, trường mỹ nghệ, ty bưu điện, câu lạc bộ, rạp hát, nhà hội...Bên cạnh đó còn có những cụm từ không hiểu để diễn tả khái niệm gì: tên gọi (?), vùng độc lập (?), vùng giải phóng (?), đại hội (?), kháng chiến (?), hội nghị (?), mít tinh (?), chiến thắng (?), chiến thắng sân bay (?)...

Chính việc không xác định được đối tượng nghiên cứu là địa danh và sắp xếp các mục từ theo 3 mảng địa danh nên các tác giả rất lúng túng khi xếp các mục từ, dẫn đến sự trùng lắp về nội hàm của 3 "thể loại" này. Ví dụ như những địa danh: Đồng Nai, Trấn Biên, Cù lao Phố...là địa danh lịch sử hay địa danh văn hóa, sự giao thoa của nó tới đâu nếu ta chia cắt lĩnh vực để sắp xếp mục từ? Theo chúng tôi, hợp lý nhất vẫn là xếp theo thứ tự chữ cái của tất cả các mục từ và không chia ra 3 mảng địa danh như vậy. Với những hạn chế đó đã làm giảm đi giá trị khoa học của một cuốn sách biên soạn về địa danh do tỉnh đầu tư nhiều về nguồn lực.

Bước đầu tìm hiểu địa danh thành phố Cần Thơ (Nhâm Hùng, Nxb Trẻ, 2013).

Ở phần "Đặc điểm hình thành địa danh trên địa bàn thành phố Cần Thơ" của cuốn sách, tác giả chia địa danh ở Cần Thơ thành 4 nhóm: địa hình tự nhiên và nhân tạo, đơn vị hành chính, công trình xây dựng công cộng, địa bàn cư trú không rõ giới hạn.

Các địa danh trong sách được sắp xếp theo địa bàn của từng quận huyện. Ở mỗi đơn vị hành chính này, chia làm 2 loại địa danh: địa danh hành chính, địa danh dân gian. Lấy ví dụ từ các mục từ của thành phố Cần Thơ, trong đó địa danh hành chính gồm: thôn, làng, xã, phường, đạo, hạt, tỉnh, huyện, quận, thị xã thuộc tỉnh, thành phố thuộc Khu 9-Tây Nam Bộ, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, sông-rạch, cồn, bến-danh thắng, chợ, bắc, phà, cầu, đại học, cảng hàng không quốc tế, khu kỹ nghệ-khu công nghiệp. Địa danh dân gian gồm: sông, rạch, khu đất, khu dân cư, bến, cầu, xóm, khu

xóm, hẻm dân cư, nghĩa địa, ngã, đường, bến xe, vườn bông, nhà hàng, thắng cảnh, điểm giải trí, bờ kè, đô thị mới, chợ, lò mổ, làng nghề.

Nhầm lẫn giữa địa danh và hiệu danh, tạo ra sự biệt lập giữa địa danh hành chính và địa danh dân gian, sắp xếp địa danh theo đơn vị hành chính là những hạn chế thấy rõ của cuốn sách này.

Từ điển từ nguyên địa danh Việt Nam (2 tập) (Lê Trung Hoa, Nxb Văn hóa Thông tin, 2013). Đây là cuốn từ điển từ nguyên địa danh đầu tiên của nước ta, bao gồm khoảng 4.000 mục từ. Cấu trúc mục từ gồm 7 nội dung: tên mục từ, tiểu loại địa danh, vị trí đối tượng, các chi tiết liên hệ đến đối tượng, thời điểm ra đời của địa danh, nguồn gốc và ý nghĩa ban đầu của địa danh, sự chuyển biến của địa danh và đối tượng.

Việc chọn mục từ dựa trên các quy tắc:

-Đối với địa danh hành chính: chỉ đưa vào từ điển các đơn vị cấp quận huyện; đơn vị dưới cấp huyện (xã, phường, ấp, bản) nếu biết rõ nguồn gốc, ý nghĩa và có những điểm đặc biệt thì sách cũng thu thập.

-Đối với địa danh chỉ địa hình thiên nhiên: đưa những địa danh đã biết rõ từ nguyên hoặc đã có người giải thích từ nguyên. Các địa danh có tầm cỡ trong khu vực nhưng được nhiều người biết đến, nhưng chưa biết rõ nguồn gốc, ý nghĩa thì cũng được nêu ra để tranh thủ ý kiến của mọi người.

-Đối với địa danh chỉ công trình xây dựng: gồm các địa danh thiên về không gian hai chiều như cầu, đường, sân vận động...

-Đối với địa danh chỉ vùng: đưa hạn chế địa danh có nguồn gốc rõ ràng và thú vị, địa danh chưa biết tiểu loại thì ghi là "địa điểm", địa danh đã biết từ nguyên nhưng chưa biết thuộc huyện tỉnh nào thì ghi là "vùng", địa danh có nhiều cách lý giải thì nêu đầy đủ và đưa ra ý kiến cá nhân.

Do phạm vi phản ánh của địa danh trên địa bàn cả nước, có nguồn gốc của nhiều dân tộc, còn nhiều lý giải khác nhau về từ nguyên của địa danh, nên các địa danh trong sách giải thích còn sơ lược, chưa có chiều sâu, mới đáp ứng được phần nào yêu cầu trong điều kiện "*trình độ địa danh học sơ khai ở nước ta vừa hợp với điều kiện kinh tế của dân ta hiện nay*", như ý kiến của tác giả.

Từ điển địa danh Quảng Ngãi (Cao Chư chủ biên, Nxb Từ điển bách khoa, 2013). Với 3.000 địa danh được các tác giả tập hợp trong sách đã cung cấp cho bạn đọc những hiểu biết cụ thể về lịch sử-văn hóa của tỉnh nhà. Các địa danh trong từ điển bao gồm: địa danh hành chính (trấn, doanh, phủ, châu, huyện, tổng, xã, làng, thôn, vạn), địa danh vùng, địa danh chỉ địa hình tự nhiên (sông, suối, vũng, vịnh, đầm, bàu, mũi đất, cánh đồng, gò, đồi, núi, cửa biển, đảo...và tên gọi phái sinh), địa danh chỉ công trình xây dựng (chợ). Các địa danh gốc Hán đều có chua chữ kèm theo; địa danh tiếng Hrê, Cor, Ca Dong đều có từ gốc của nó.

Phần đóng góp có thể thấy rõ nhất trong sách là các địa danh hành chính với số lượng chiếm đến hơn phân nửa. Mỗi địa danh được giải thích từ nguồn gốc tên gọi, quá trình phát triển của địa danh, các thông tin về địa danh (diện tích, dân số, di tích, nhân vật, sự kiện, đặc sản...) chứng tỏ sự kỳ công của các tác giả khi biên soạn. Ta sẽ thấy thú vị khi bắt gặp trong sách những câu ca dao, câu thơ liên quan đến địa danh được đưa vào để làm dày thêm vốn "trầm tích văn hóa" của địa danh. Đây là hướng tiếp cận văn hóa đối với loại từ điển địa danh mà ít nơi có được, thể hiện thế mạnh của các tác giả đã có quá trình điền đã nhiều năm qua việc biên soạn các công trình của địa phương.

Nếu tác giả vẫn đưa vào công trình của mình các địa danh mang tên các nhân vật địa phương đã được đặt tên cho các thôn, xã, huyện trước đây (dù nó chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn); tăng lượng thông tin cho các địa danh vùng đồng bào dân tộc; phân biệt rõ địa danh và thành tố chung (ví dụ như ở các mục từ về thôn) thì cuốn sách sẽ hoàn chỉnh hơn. Đây là một trong những cuốn từ điển địa danh hiếm hoi của khu vực miền Trung được biên soạn khá công phu, khoa học, độ tin cậy cao.

Địa danh huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế (Trần Nguyễn Khánh Phong, Nxb Thuận Hóa, 2015). Công trình tập hợp khá nhiều địa danh ở một huyện miền núi của tỉnh Thừa Thiên Huế, được biên soạn trong một thời gian dài, từ tháng 8/2001 đến tháng 10/2015. Những dịa danh bị xóa tên, những địa danh hành chính bị chia tách về các đơn vị hành chính khác cũng được tác giả chú ý biên soạn. Nhưng trong sách vẫn còn lẫn lộn các hiệu danh như: di tích, ban quản lý, bưu điện, trường học, cụm công nghiệp, đồn biên

phòng, hợp tác xã, nghĩa trang, nông trường, sân vận động, trạm y tế, trung tâm thương mại...Các địa danh có nguồn gốc từ tiếng dân tộc chưa được giải thích nguồn gốc của nó.

Lời kết

Việc biên soạn địa danh ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu nhất định, số lượng đầu sách xuất bản ngày càng nhiều, đa dạng các thể loại, ở nhiều địa phương (cấp tỉnh, huyện). Tác giả các công trình này phần nhiều là cá nhân.

Phần lớn các công trình, nhất là ở cá nhân, chưa chú ý nhiều đến các vấn đề lý luận trong việc biên soạn địa danh như xác định nội hàm của địa danh, tiểu loại, sắp xếp mục từ, các nội dung của mục từ, mức độ thông tin của mục từ...Hạn chế lớn nhất là vẫn lẫn lộn giữa hiệu danh và địa danh.

Cần dịch thuật nhiều công trình mang tính lý luận về địa danh của thế giới. Đối với trong nước cần có những chuyên khảo có giá trị về vấn đề này. Có thể giao cho một cơ quan nghiên cứu như Viện Ngôn ngữ học chịu trách nhiệm chính về học thuật trong mối quan hệ đa ngành của lĩnh vực nghiên cứu này. Về quản lý nhà nước, cần có một Ủy ban về địa danh để thống nhất các vấn đề mang tính quốc gia.

Nguyễn Thạnh Lợi (chữ lót là THẠNH)
Ngân hàng Công thương Việt Nam (chi nhánh quận 10, TP.HCM) Vietinbank
TK: 711A04743633
ĐT : 098.3399.843

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Đức Tịnh (1999), *Lược khảo nguồn gốc địa danh Nam Bộ*, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Cao Chư (chủ biên) (2013), *Từ điển địa danh Quảng Ngãi*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
3. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Lê Trung Hoa (2002), *Tìm hiểu nguồn gốc địa danh Nam Bộ và tiếng Việt văn học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Lê Trung Hoa (2003), *Nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu địa danh (Địa danh thành phố Hồ Chí Minh)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Lê Trung Hoa (2006), *Địa danh học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Lê Trung Hoa (2010), *Địa danh Việt Nam*, Nxb Dân trí, Hà Nội.
8. Lê Trung Hoa (2013), *Từ điển từ nguyên địa danh Việt Nam,* 2 tập*,* Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
9. Nguyễn Đình Tư (2008), *Từ điển địa danh hành chính Nam Bộ*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Kim Vân (2010), *Địa danh và di tích Gia Lai từ góc nhìn lịch sử-văn hóa,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Nguyễn Văn Âu (1993), *Địa danh Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
12. Nguyễn Văn Âu (2000), *Một số vấn đề về địa danh học Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
13. Nhâm Hùng (2013), *Bước đầu tìm hiểu địa danh thành phố Cần Thơ*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Trần Nguyễn Khánh Phong (2015), *Địa danh huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
15. Trần Quang Toại (chủ biên) (2013), *Địa danh hành chính-văn hóa-lịch sử Đồng Nai*, Nxb Đồng Nai.

16. Võ Văn Hòe (2011), *Địa danh thành phố Đà Nẵng,* Tập 1, Nxb Đà Nẵng.
17. Võ Văn Hòe (2015), *Địa danh thành phố Đà Nẵng,* Tập 2, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.